ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3112 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới và bị bãi bỏ lĩnh vực giám định y khoa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11/8/2023 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/ TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3741/TTr-SYT ngày 24/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành và 06 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định y khoa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa

(có Danh mục kèm theo)[1].

[1] Tra cứu toàn bộ nội dung thủ tục hành chính tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn

Điều 2. Giao Sở Y tế xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, gửi Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 18/9/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên TTHC
(Mã TTHC)</th><th>Thời hạn giải quyết</th><th>Địa điểm thực hiện</th><th>Phí , lệ phí
(nếu có)</th><th>Căn cứ pháp lý</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="5">TTHC cấp xã, cơ quan khác</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="5">Lĩnh vực Giám định Y khoa</td></tr>
<tr><td>1.</td><td>Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (1.011798.000.00.00.H56)</td><td>65 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</td><td>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa</td><td>Phí thẩm định: Căn cứ Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Y tế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa, cụ thể như sau:
<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Mức thu (đồng/trường hợp)</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>1.150.000</td></tr>
<tr><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>1.368.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa</td><td></td></tr>
<tr><td>2.1</td><td>Ghi điện não đồ</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>155.000</td></tr>
<tr><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>238.000</td></tr>
</table></td><td>- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp</td><td>65</td><td>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp</td><td></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác (1.011799. 000.00.00.H56)</td><td>ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</td><td>xã, tỉnh Thanh Hóa</td><td colspan="3"></td><td>lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;
- Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định (1.011800.</td><td>95 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</td><td>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Giám định Y khoa, số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.2</td><td>Siêu âm 2D</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>150.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>173.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.3</td><td>Siêu âm 3D, 4D</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định Trường hợp khám giám định phúc quyết thông thường</td><td>250.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>288.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.4</td><td>Ghi điện tâm đồ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>135.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>158.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.5</td><td>Chụp phim X-quang</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>165.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>188.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.6</td><td>Chụp CT Scanner</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định□thông thường</td><td>1.102.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>1.147.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.7</td><td>Chụp cộng hưởng từ (MRI)</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định thông thường</td><td>1.702.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp khám giám định phúc quyết</td><td>1.747.000</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>2.8</td><td>Chụp cắt lớp 3D (MSCT)</td><td></td><td></td></tr>
</table>

	000.00.00.H56)				Trường hợp khám giám định thông thường	2.772.000	năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện - Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa. - Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.
					Trường hợp khám giám định phúc quyết	2.838.000	
				2.9	Đo thông khí phổi		
					Trường hợp khám giám định thông thường	135.000	
					Trường hợp khám giám định phúc quyết	158.000	
				2.10	Đo điện cơ		
					Trường hợp khám giám định thông thường	185.000	
					Trường hợp khám giám định phúc quyết	208.000	
				2.11	Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa □ơ bản (Glucose, Ure, Creatinin axít Uric), FT3, FT4, TSH, điệ□ giải đồ, nước tiểu 10 thông số		
					Trường hợp khám giám định thông thường (lần đầu)	135.000	
					Trường hợp khám giám định phúc quyết	158.000	
				2.1	Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbAlC, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, αFP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK		
					Trường hợp khám giám định thông thường (lần đầu)	153.000	

						Trường hợp khám giám định phúc quyết	176.000
				2.13	Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, phorphyr□n (định tính), Protein niệu, Creatinin □iệu, Am lase □iệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào:		
						Trường hợp khám giám định thông thường (lần đầu)	200.000
						Trường hợp khám giám định phúc quyết	250.000
				2.14	Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OA□), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR):		
						Trường hợp khám giám định thông thường (lần đầu)	500.000
						Trường hợp khám giám định phúc quyết	550.000
				Ghi chú: - Trường hợp có chỉ định làm từ bốn chỉ số sinh hóa đặc biệt trở lên thì mức thu tiền từ chỉ số thứ tư này được thu theo mức thu của Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong cùng một tỉnh, thành phố với cơ sở giám định y khoa. - Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám các nội dung trong Biểu nêu trên thì cơ sở giám định chi trả chi phí; trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong Biểu nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám		

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Bãi bỏ 06 TTHC tại Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành lĩnh vực Giám định y khoa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Giám định y khoa			
1	1.000278.000.00.00.H56	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
2	1.000276.000.00.00.H56	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	
3	1.000272.000.00.00.H56	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	
4	1.000269.000.00.00.H56	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	
5	1.000262.000.00.00.H56	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	
6	1.000101.000.00.00.H56	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	